TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Trung, ngày 17 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 104, Điều 157, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Cao Văn T, sinh năm 1979..

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: chị Đỗ Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: anh Cao Văn T và chị Đỗ Thị L thừa nhận, trong thời kỳ hôn nhân có những tài sản chung gồm: quyền sử dụng 640m^2 đất tại thửa đất số 812, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa cấp số BP 889907 ngày 27/08/2013, trong đó đất ở nông thôn có diện tích 500m^2 giá trị 350.000.000 đồng, đất trồng cây lâu năm có diện tích 140m^2 giá trị 5.600.000 đồng. Tài sản trên thửa đất này gồm: 02 (hai) ngôi nhà, trong đó

01 (một) nhà hai tầng có diện tích là 112m^2 xây dựng năm 2016 có giá trị 150.000.000 đồng và 01 (một) nhà cấp bốn lợp ngói có diện tích 45m^2 hình thành trước năm 2006 có giá trị còn 20.000.000 đồng; 01 (một) khu nhà vệ sinh có diện tích là 22,5m^2 xây dựng năm 2016 có giá trị 8.000.000 đồng; 01 (một) chuồng lợn có diện tích 11,8m^2 được hình thành trước năm 2006 có giá trị 2.000.000 đồng. Các loại cây ăn quả, cây cảnh được xây dựng và trồng trên thửa đất này gồm: 02 (hai) cây Nhãn đã có quả có giá trị 460.000 đồng; 01 (một) cây Vải đã có quả có giá trị 220.000 đồng; 01 (một) cây Bưởi đã có quả có giá trị 220.000 đồng; 01 (một) cây Na đã có quả có giá trị 100.000 đồng; 01 (một) cây Ổi đã có quả có giá trị 50.000 đồng; 01 (một) cây Mít đã có quả có giá trị 500.000 đồng; 66 (sáu mươi sáu) cây Chuối, trong đó 39 (ba mươi chín) cây đã có quả, mỗi cây có giá trị 60.000 đồng, 27 (hai mươi bảy) cây chưa có quả, mỗi cây có giá trị 10.000 đồng; 01 (một) cây Si cảnh đường kính 5cm có giá trị 65.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 539.825.000đ (năm trăm ba mươi chín triệu, tám trăm hai lăm nghìn đồng).

Anh T được quyền sử dụng diện tích 312m^2 đất ở có chiều dài tứ cận như sau: phía Bắc giáp đường đi của thôn dài 16,87m; phía Nam giáp phần ranh giới phân chia đất với chị L dài 18,24m; phía Đông giáp hộ bà Trần Thị Hương dài 18,5m; phía Tây giáp đường thôn dài 15,94m và được quyền sở hữu các loại cây ăn quả, cây cảnh được trồng trên diện tích đất được chia gồm: 01 (một) cây Nhãn đã có quả; 01 (một) cây Ổi đã có quả; 01 (một) cây Si cảnh; 62 (sáu mươi hai) cây Chuối, trong đó 39 (ba mươi chín) cây đã có quả, 23 (hai mươi ba) cây chưa có quả (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền với đất được đo vẽ tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2022). Tổng giá trị tài sản anh T được chia là 221.315.000đ (hai trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm mười lăm nghìn).

Chị L được quyền sử dụng diện tích 328m^2 đất, trong đó 188m^2 đất ở và 140m^2 đất trồng cây lâu năm có chiều dài tứ cận như sau: phía Bắc giáp phần ranh giới phân chia đất với anh T dài 18,24m; phía Nam giáp hộ ông Lê Trung Nghĩa dài 19,8m; phía Đông giáp hộ ông Đỗ Văn Tám dài 18,1m; phía Tây giáp đường đi của thôn dài 16,5m và được quyền sở hữu tài sản là các công trình xây dựng, cây ăn quả được xây dựng và trồng trên diện tích đất được chia gồm: 02 (hai) ngôi nhà, trong đó 01 (một) nhà hai tầng có diện tích là 112m^2 và 01 (một) nhà cấp bốn lợp ngói có diện tích 45m^2; 01 (một) nhà vệ sinh có diện tích là 22,5m^2; 01 (một) chuồng lợn có diện tích 11,8m^2; 01 (một) cây Nhãn đã có quả; 01 (một) cây Vải đã có quả; 01 (một) cây Bưởi đã có quả; 01 (một) cây Na đã có quả; 01 (một) cây Mít đã có quả; 04 (bốn) cây Chuối chưa có quả (theo sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền với đất được đo vẽ tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2022). Tổng giá trị tài sản chị L được chia là 318.510.000đ (ba trăm mười tám triệu, năm trăm mười nghìn đồng).

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: anh Cao Văn T và chị Đỗ Thị L thỏa thuận, anh T chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.469.000đ (hai triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Anh T đã nộp đủ số tiền này.

2.3. Về án phí: anh Cao Văn T và chị Đỗ Thị L thỏa thuận, anh T và chị L chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà anh T và chị L được chia, phần của chị L là 7.962.750đ (bảy triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng); phần của anh T là 5.532.875đ (năm triệu năm trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.390.000đ (tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004332 ngày 27/06/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, trả lại cho anh T 2.857.125 (hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đào Văn Nam